



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU PHUOC
Last Middle First

Current Address 129 F/186/85A Bến Vân Đồn P.8 Q.4 - TP HCM

Date of Birth 10/16/38 Place of Birth Cambodia

Previous Occupation (before 1975) Capt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/25/75 To 05/15/84
(94)

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ngũ Hữu Phước
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01 - <u>Ngũ Thị Thanh Thủy</u>	<u>11/16/42</u>	<u>wife</u>
02 - <u>Ngũ Hữu Thanh</u>	<u>08/17/68</u>	<u>son</u>
03 - <u>Ngũ Thị Thanh Nhân</u>	<u>07/19/69</u>	<u>daughter</u>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Thủ Đức
Số 476 GRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định của số 274 ngày 2 tháng 4 năm 1984
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU PHƯỚC Sinh năm 19 20 (38)

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Kiên Phước.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 129/E186/B5A Bến Văn Dồn, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy phân chi thu lương.

Bị bắt ngày 25-6-75 An phạt TTTG

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 129/E186/B5A Bến Văn Dồn, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm chỉnh, lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng.

- Tiền ci dưỡng đã cấp đủ.

Đương sự phải trình di chuyển tại UBND Phường, xã: Lời về cư trú

Trước ngày 18 tháng 5 năm 1984

Lên tay đóng trở phải

Của Nguyễn Hữu Phước

Danh bản số

Lưu

Họ tên, chữ ký

Đã được cấp giấy

Nguyễn Hữu Phước

Ngày 15 tháng 5 năm 1984



Thieu Tả Nguyễn Hữu Phước

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Gia-định

BẢN TRÍCH LỤC

Xã: Phú-Nhuân

0/6b

BỘ HÔN-THÚ (Bậc xxxxxxx)

Năm 1968

Số hiệu: 255

Người chồng : (Tên, họ)	Nguyễn-Hữu-Phước
Sinh tại :	Nam-Vang
Sinh ngày :	16 Tháng 10 Năm 1938
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Van-Mậu (Sống)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-thị-Điều (Sống)
Người vợ : (Tên, họ)	Nguyễn-thị-Thanh-Thủy
Sinh tại :	Bình-Hòa Thủ-Dầu-một
Sinh ngày :	16 tháng 11 Năm 1942
Cha vợ : (Tên họ sống chết phải nói)	Nguyễn-Van-Cong (Chết)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Tổng-Thị-Nhiều (sống)
Ngày cưới :	Ngày 2-7-1968 hồi 9 giờ

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ - Tịch

năm Ủy-viên Hộ-tịch Xã. PHU NHUAN

TAN BINH, ngày 22 tháng 7 năm 1969

Trích y bản chính

PHU NHUAN, ngày 22 tháng 7 năm 1969

Ủy-viên Hộ-tịch

CHUNG THẬT
CHỮ KÝ BÊN DÂY CỦA ÔNG-
TRẦN-VĂN-DƯƠNG Ủy-viên Hộ-TịchXã Phú-Nhuân
Phủ-Miền, ngày 23 tháng 7 năm 1969
X LÊN XÃ-TRƯỞNG

TRẦN-VĂN-DƯƠNG

ĐẶNG-KIM-ĐA

TRẦN-VĂN-DANH


 trấn _____
 Quận _____
 hõ, Tỉnh _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

 Số _____
 Quyền số _____

Họ và tên	NGUYỄN HỮU THANH		Nam, nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 17 Tháng 08 năm 1968		
Nơi sinh	Sài Gòn, 26, Công Quỳnh		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN HỮU PHƯỚC 50T	NGUYỄN THỊ THANH THUY 76T	
Dân tộc			
Quốc tịch	//		
Nghề nghiệp	Quản lý	Công chức	
Nơi ĐKNK thường trú	Sài Gòn, 131 H/72 Bến Văn Đồn		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Người cha khai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 11 năm 1985

TM UBND _____ ký tên đóng dấu

 XT. CHÁNH VĂN PHÒNG
 PHÓ VĂN PHÒNG

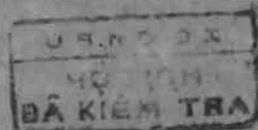
Đang ký ngày 20 tháng 08 năm 1985

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Kính



Nguyễn Thị Thanh Ngọc





QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Họ và tên
Tỉnh

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số
Quyển số

Họ và tên	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN		Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 19 tháng 07 năm 1969			
Nơi sinh	Saigon, 204 Công Quỳnh			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN PHÚC 31T		NGUYỄN THỊ THANH TÂY 27T	
Dân tộc	//		//	
Quốc tịch	//		//	
Nghề nghiệp	Quản Nhân		Công Chức	
Nơi ĐKKK thường trú	Saigon.		Saigon.	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Người Cha Khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 24 tháng 07 năm 1969

Ngày tháng năm 1969

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Tên người ký tên đóng dấu

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thanh Ngọc

BỘ NGOẠI-GIAO

MINISTÈRE DES AFFAIRES ÉTRANGÈRES

KHAI SANH
Naissance

Tòa Đại-Diện

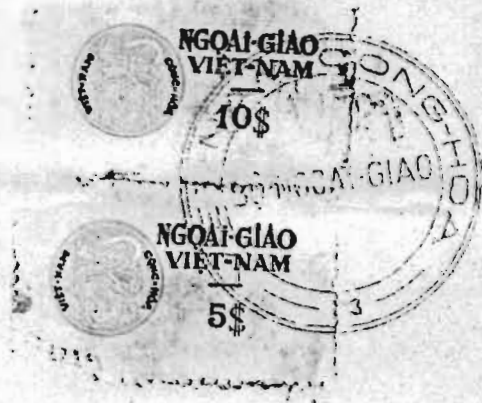
SỨ-QUÁN
AMBASSADE

VIỆT-NAM tại PHNOM-PENH

LÃNH-SỰ-QUÁN
CONSULAT



Chứng thư số 853
ngày 23-10-1938



SAO Y BẢN CHÍNH
Pour copie conforme

Saigon ngày 13 tháng 04 năm 1968

Giám-Đốc Nha Hành-Chánh, Pháp-
Lý, Văn-Hóa và Lãnh-Sự

Đỗ-Lai-Kỳ

Tên họ người con Nom et prénom de l'enfant	Nguyễn-Hữu-Phước
Nam hay nữ Son sexe	Nam
Sinh ngày tháng và giờ nào Date de sa naissance	Mười sáu tháng mười năm một ngàn chín trăm ba mươi tám
Sinh ở đâu Lieu de sa naissance	Phnom-Penh
Tên họ người cha Nom et prénom du père	Nguyễn-Văn-Mậu
Tuổi Son âge	-
Nghề nghiệp Sa profession	-
Chỗ ở Son domicile	-
Tên họ người mẹ Nom et prénom de la mère	Nguyễn-Thị-Diêu
Tuổi Son âge	-
Nghề nghiệp Sa profession	-
Chỗ ở Son domicile	-
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang d'épouse	-
Tên họ người khai Nom et prénom du déclarant	-
Tuổi Son âge	-
Nghề nghiệp Sa profession	-
Chỗ ở Son domicile	-
Tên họ người chứng thứ nhất Nom et prénom du 1 ^{er} témoin	-
Tuổi Son âge	-
Nghề nghiệp Sa profession	-
Chỗ ở Son domicile	-
Tên họ người chứng thứ nhì Nom et prénom du 2 ^e témoin	-
Tuổi Son âge	-
Nghề nghiệp Sa profession	-
Chỗ ở Son domicile	-

Người khai
Le Declarant
Ký tên :
Signé :

Người chứng thứ nhất
Le 1^{er} témoin
Ký tên :
Signé :

Người chứng thứ nhì
Le 2^e témoin
Ký tên :
Signé :

Phnom-Penh, ngày 12 tháng 7 năm 1961
le
Chức vị coi bộ đời (Tên họ và chức nghiệp)
L'Officier de l'Etat Civil (Nom, prénom et fonction)

Ký tên : Tep-Phan

Giấy chứng thư khai, in ở trên, được chúng tôi, Đại-Diện Việt-Nam tại Cao-Miên kiêm hộ lại chuyên ta ngày 19 tháng 7 năm 1961 theo bản sao nguyên bản có chữ thực và được dịch ra do O. Nguyễn-Văn-Lê xuất trình. Bản sao và bản dịch được đi vào sổ này sau khi O. Nguyễn-Văn-Lê và chúng tôi ký tắt.

Ký tên: Nguyễn-Văn-Lê

T.U.N. Đại-Lý Đại-Diện
Đệ Nhất Tham-Vụ
Ký tên: Đoàn-Bá-Cang (đóng dấu)



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Bình-Hòa

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Thuận-một.

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1942
(Année)

SỐ HIỆU 77
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn-thị-Thanh-Thủy</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nữ</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>Lê 16 Novembre 1942</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Làng Bình-Hòa</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn-văn-Cộng</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Làng Bình-Hòa</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Tổng-thị-Nhiều</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm việc nhà</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Làng-Bình-hòa</u>
Vợ chồng hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Chúng tôi, Trần-dại-Khâm
(Nous)

Chánh-án Toà HÒA BÌNH, DƯƠNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ngô-th-Chi
(M.)

Chánh-Lục-sư Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

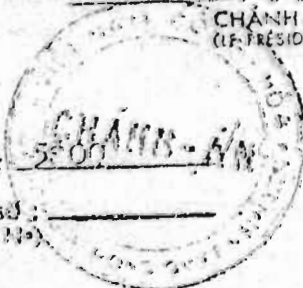
Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme).

BÌNH, DƯƠNG, ngày 4/5 1962
CHÁNH LỤC-SƯ
(LE GREFFIER EN CHEF).

BÌNH, DƯƠNG, ngày 4/5 1962

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

GIA ĐEN : 5000
(Cout)
Biên-lai số : _____
(Quittance No)



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 414577 CN

Họ và tên chủ hộ:

Nguyễn Chi Khanh Thủy

Ấp, ngõ, số nhà:

129 F / 186 / 85 F

Thị trấn, đường phố:

Bến Mắm Lớn

Xã, phường:

Một

Huyện, quận:

Bến

10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an

Quận 1

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



(Handwritten signature)

Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
1	Nguyễn Thị Thanh Chung	Cử lại	nữ	M. 11. 1942	060205885
2	Nguyễn Văn Thanh	Con	NAM	17-8-1968	022280370
3	Nguyễn Thị Thanh Khương	Con	nữ	19-7-1969	022280...98
X 4-	Nguyễn Hữu Phước	chồng	NAM	1938	022280299
Số 42/BH/SĐ					
Chứng nhận công ty bán chính					
xuất trình tại UBND Phường 3					
UBND Phường 3 Ngày 24/1/1989					
Nguyễn Văn Tuấn					

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV #

Date:

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

- Name
Họ, tên : NGUYỄN-HỮU-PHƯỚC Sex: Nam
- Other Names
Họ, tên khác : Không có
- Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 16.10.1938 Phnom-Penh
- Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 129F/186/85A Bến Vân Đồn Phường 8 Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh VIỆT NAM
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : như trên
- Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Không có

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. <u>Nguyễn Thị Thanh Thủy</u>	<u>16.11.1942</u>	<u>Thủ Đức Một Núi</u>	<u>Nữ</u>	<u>M</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Nguyễn Hữu Thanh</u>	<u>17.8.1968</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nam</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
3. <u>Nguyễn Thị Thanh Nhân</u>	<u>19.7.1969</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
4.				(S)	
5.				(S)	
6.				(S)	
7.				(S)	
8.				(S)	
9.				(S)	
10.				(S)	
11.				(S)	
12.				(S)	

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân-thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival

In the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: Nguyễn Văn Mẫn (chết)

2. Mother

Mẹ

: Nguyễn Thị Diệu (sống)

3. Spouse

Vợ/Chồng

: 1/3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (sống)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có)

: Không

5. Children

Con cái

(1) Nguyễn Hữu Thành (sống)

(2) Nguyễn Thị Thanh Nhân (sống)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em

(1) Chị Nguyễn Thị Mẫn (sống)

(2) Em Nguyễn Thị Xuân Mai (sống)

(3) Em Nguyễn Hữu Triết (sống)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Văn Phước

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 18-4-1965 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Đại úy Serial Number: _____
Số thẻ nhân-viên: 58/500.513
Số quân : _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị: Phòng Chỉ huy Binh Trừu Hoa, Chi khu Tân Bình
Trại khu Gia Định

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Chi khu Trừu Trữ Trung tá Nguyễn Văn Nhàn

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy, ban-khau, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đường sự có không? Có ☐ Không ☒)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available: Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Nguyễn Hữu Phước

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

25-6-1975

To:

Đến:

15-5-1984

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Trước khi ghi hồ sơ này cho bà, tôi cũng đã ghi hồ sơ của
thầy này sang vào phần ODP-B. Thầy này là một cố vấn quân sự
chính của chúng tôi. LOT cũng đã ghi thầy này dưới tên phụ
tạ của bà. Chúng tôi rất muốn được tiếp xúc với thầy này tại Hoa Kỳ
càng sớm càng tốt. Chúng tôi thành thật cảm ơn bà.

Signature

Ký tên:

Nguyễn Hữu Phước

Date

Ngày:

25-1-1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

Những giấy tờ mà tôi gửi kèm theo mẫu câu hỏi này gồm:

1- Bản sao giấy ra trại của tôi (bản)

2- Bản thu của tôi về tôi (bản)

3- Khai sinh của tôi (bản) + Bản sao chứng minh nhà dân + 1 ảnh

4- Khai sinh của vợ tôi (bản) +

5- Khai sinh của con trai tôi (bản) +

6- Khai sinh của con gái tôi (bản) +

7- Bản sao giấy hộ khẩu (bản)

ODP-B

6/84

SS 45/221/89

Phòng an ninh y bản chính

mã định tại UBND Phường 8

UBND Phường 8 Ngày 23/4/1989



Nguyễn Văn Duyên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022280299

Họ tên: NGUYỄN HỮU PHƯỚC

Sinh ngày: 16-10-1938

Nguyên quán: Tam Nông

Dũng Thập

Nơi thường trú: 129F/156/85A

Bến Vân Đồn, TP. Hồ Chí Minh.



Dân số:

Kinh

Tôn giáo:

không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Hết ruồi nôi cách 3
cm dưới trước đầu
mắt phải.



NGÓN TRỎ PHẢI



tháng 10 năm 1986

GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chánh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **C20205483**

Họ tên **NGUYỄN THỊ THANH-
THỦY**

Sinh ngày **16-11-1942**

Nguyên quán **Thuận An
Sông Bè**

Nơi thường trú **129/F186
Bến Vân Đồn, TP. Hồ Chí Minh**

Số **CM/Đ/87**

Chứng nhận đúng y bản chính
xuất trình tại UBND Phường 8

UBND Phường 8 Ngày **24/1/1989**



[Handwritten signature]
Trần Văn Thuận

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm c, lưm dưới
trước mép phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 18 tháng 7 năm 1978

KIỂM ĐỒ HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn...

Trần Văn...

Số: UB/P.89

Chúng nhận đúng y bản chính
số: 13 / 1 / 1989

UBND Phường 8



Nguyễn Văn Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022280370

Họ tên: NGUYỄN HỮU THANH

Sinh ngày: 17-08-1968

Nguyên quán: Tam Nông
Dong Thap

Nơi thường trú: 129F/186/USA
Ban Van Dong, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chạm cách 1,6cm
dưới trước dưới mày
trái.

17 tháng 0 năm 1986

ĐO C HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

NGÓN TRÁI
NGÓN PHẢI



Thạch Văn
Thạch Văn

Số 47/12487

Chứng nhận đúng y bản chính
xuất trình tại UBND Phường 3
UBND Phường 3 Ngày 24-4-1987



Thị trấn Nam T. In



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022280298

Họ tên: NGUYỄN THỊ THANH-
NHÂN

Sinh ngày: 19-07-1969

Nguyên quán: Tân Nông

Dũng, Tháp

Nơi thường trú: 129P/186/85A

Bến Vân Đồn Q. TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo :

không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

300 chấm cách 4 cm
dưới sau đuôi mắt

NGÓN TRỎ PHẢI



tháng 10 năm 1966

GIÁM ĐỐC CHỖÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chanh Van

From: Nguyễn Hữu Phước
129F/186/85A Bến Vân Đồn Phường 8 Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh VIETNAM

FEB 09

R 4 4 3



Tin tức
này to.



PAR AVION VIA AIR MAIL

Bà KHÚC MINH THƠ

P.O. Box 5435, Arlington VA 22205-0635

Telephone: [REDACTED]

U.S.A



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____
I-171 : Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHUỐC HUU NGUYỄN
F Last Middle First L
- Current Address 129F/186/85A P.8 Q.4 BÊN VÂN ĐỒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM
- Date of Birth 16-10-1938 Place of Birth Nam Vang
- Previous Occupation before 1975 Captain Phân Chi Khu Trường Sq. 58/500.513
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 25-6-1975 To 15-5-1984
3. SPONSOR'S NAME: F.V.P.P.A.
Name
(see above)
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S. None
- | Name, Address & Telephone | Relationship |
|---------------------------|--------------|
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Hữu Phước
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<u>Nguyễn Thị Thanh Thủy</u>	<u>16-11-1942</u>	<u>Wife</u>
<u>Nguyễn Hữu Thanh</u>	<u>17-8-1968</u>	<u>Son</u>
<u>Nguyễn Thị Thanh Nhân</u>	<u>19-7-1969</u>	<u>Daughter</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

I want to be resettled in the U.S. with my family.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28-7-1988

Kính gửi:

Hội Gia đình tù nhân Chính trị Việt Nam,

Tôi là một cựu sĩ quan của chế độ cũ tên Nguyễn
Huân Phước sinh năm 1938 (16 tháng 10), cấp bậc Đại úy,
Chiều Vu Phần Chi khu Trũng, số quân 58/500.513 thuộc Sư
Binh Trừng Đòn, Chi khu Tân Bình, tiểu khu Gia Định. Sau ngày
30-4-1975 tôi bị bắt đi học tập cải tạo từ ngày 25-8-1975
đến ngày 15-5-1984 mới được thả về và bị quản chế 12 tháng.
Sau đó tôi có làm đơn gởi qua trụ sở 00P ở Thái Lan
nhưng không qua ngày chính thức vì lúc đó chưa có, nhưng chỉ
đây mới bằng không thấy hồi âm, theo tôi nghĩ có lẽ thất
lạc.

Hôm nay sau khi đã xem thấy báo của chính phủ về những
người được thả từ Hong Kong và các nơi khác có quan với một
Lực lượng có màu đen này rồi tôi đã về làm đơn này
để gởi chính thức qua Hội để nhờ Hội giúp đỡ cho tôi về
gia đình tôi được đón tiếp tại Việt Nam ở Hoa Kỳ. Tôi không có ai
là thân nhân cũng như bạn hữu ở Hoa Kỳ.

Nếu có gì thiếu sót mong đơn kính xin Hội thông báo sớm
cho tôi, biết để kịp thời bổ sung.

Lời này để đơn nhận được hồi âm.

Xin chân thành cảm ơn Hội Gia đình tù nhân Chính trị
Việt Nam và cầu chúc Hội thành công tốt đẹp trong công việc giúp
đỡ những người tù chính trị cũ ở Việt Nam.

Kính thư,

Nguyễn Huân Phước

Địa chỉ: 129F/186/85A P.8. Q.4
Bến Vân Đồn thành phố
Hồ Chí Minh Việt Nam.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2505 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Thị Đức

Số 476 CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định thả số 274 ngày 24 tháng 4 năm 1984
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU KHUÊ Sinh năm 1936 (38)

Các tên gọi khác

Nơi sinh Kiên Phước.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 129/E186/B5A Bến Văn Dền, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy nhân chỉ khu trưởng.

Bị bắt ngày 25-6-75 Án phạt TRC2

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 129/E186/B5A Bến Văn Dền, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm, lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng.

- Tiền đi đường: đi cấp 1.

Đương sự phải trình đi tại UBND Phường, xã: Đại văn cư trú

Trước ngày, 18 tháng 5 năm 1984

Lưu tay sống trở phải

của Nguyễn Hữu Khuê

Danh hiệu

Lưu tay

Họ tên, chữ ký

người được thả

Nguyễn Hữu Khuê

Ngày 18 tháng 5 năm 1984



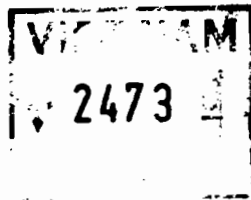
Thiếu tá Nguyễn Hữu Khuê

FROM Nguyễn Hữu Phước

129H/186/85A P.8 Q.4 Hố Chí Minh City

VIỆT NAM

PARAVION



- Xa lộ
- Vở Computer
- check BNL



MỠI CẶP VỢ CHỒNG
CÓ 1 HOẶC 2 CON!

TO Families of Vietnamese Political
Prisoners Association

P.O Box 5435, Arlington, VA 22205 0635

Telephone

U.S.A

CONTROL

☐ Card
☐ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☒ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☒ Membership; Letter 11/18/88